TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5 - 2020
"V/v tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường
- *Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Kim Bình
Bà Hồ Thị Hồng Phướng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Yến N, sinh năm 1997, nơi cư trú: ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: số 158, ấp TA, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2020 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Yến N trình bày:

Chị và anh T chung sống từ năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú vào ngày 02/7/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về quan hệ con chung: anh chị có 01 (một) con chung tên Nguyễn Su Su, sinh ngày 29/5/2019, hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu

cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng.

Hiện chị đang học nghề nail và chăm sóc con, chưa có nguồn thu nhập, sống cùng ông bà ngoại, được ông bà ngoại hỗ trợ về kinh tế. Theo chị thì anh T thu nhập 8.000.000đ/tháng, lúc trước là anh T đi cắt máy cắt, hiện đi làm gì thì chị không rõ.

Về tài sản chung: Bà Chính là mẹ chồng có giữ của vợ chồng 02 chỉ vàng 24kara và 20.000.000đ, yêu cầu bà Chính trả lại và chia ½ với anh T. Số tiền và số vàng này do vợ chồng làm và tích lũy được, do khi đó chị gần sinh nên giao tiền vàng lại cho mẹ chồng giữ dùm. Việc giao cho mẹ chồng giữ không có ai chứng kiến và không có làm giấy tờ gì với nhau. Ngoài ra, trước khi sinh chị có giao cho bà Chính số tiền 15.000.000đ để chi tiêu lo liệu khi chị sinh, phần này chị không có yêu cầu. Anh chị có cố đất với bà Nguyễn Thị Hiền số tiền 80.000.000đ nhưng nay vợ chồng ly hôn nên chị yêu cầu hủy bỏ hợp đồng cố đất, bà Hiền trả lại 80.000.000đ và vợ chồng anh chị trả lại đất cho bà Hiền để anh chị chia mỗi người ½. Hợp đồng cố đất chỉ là thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ. Về nợ chung: không có.

- *Theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/3/2020*: chị N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung và yêu cầu cấp dưỡng. Chị xác định yêu cầu được ly hôn với anh T, khi ly hôn được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Su Su, sinh ngày 29/5/2019, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: không yêu cầu, nợ chung: không có. Đồng thời chị làm đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại tự khai ngày 11/3/2020 và tại biên bản không hòa giải được ngày 11/3/2020, ghi nhận ý kiến:

Về hôn nhân: nay do chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 (một) con chung tên Nguyễn Su Su, sinh ngày 29/5/2019, hiện con chung đang do chị nuôi dưỡng. Chị N có yêu cầu nuôi con thì anh đồng ý nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Hiện anh đang làm công nhân ở Bình Dương, thu nhập 4.200.000đ/tháng, lúc trước thì anh chạy máy cắt nhưng sau khi mâu thuẫn với vợ thì anh buồn nên bỏ lên Bình Dương làm.

Về tài sản chung: Anh xác định không có việc vợ chồng gửi cho bà Chính số tiền 20.000.000đ và 02 chỉ vàng 24 kara như chị N trình bày. Vợ chồng làm không có dư, chỉ tiếp được tiền cơm nước, chi phí sinh hoạt trong gia đình cùng ba mẹ chồng. Về hợp đồng cố đất với chị Hiền như thế nào là anh không biết, Nhi và chị Hiền không có nói gì với anh về việc cố đất nên về việc này anh không có ý kiến. Do đó nay theo anh là bà Chính và chị Hiền không có nghĩa vụ gì phải trả tiền, vàng gì cho vợ chồng anh. Anh xác định anh chị không có tài sản chung, chỉ chi tiêu chứ không có dư. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Yến N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T sinh sống tại Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2020 của chị Nguyễn Yến N, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, đòi tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất" đồng thời đưa bà Nguyễn Thị Hiền, bà Trần Thị Chính và ông Nguyễn Văn Nữa là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên đến ngày 30/3/2020, chị N rút yêu cầu đối với tài sản chung do đó ông Nữa, bà Chính, bà Hiền không còn liên quan đến nội dung vụ án, do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Phú ra thông báo không đưa các ông bà tham gia tố tụng đối với vụ án và xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn"

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không có lý do; chị N có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Chị N và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2018 tại UBND xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú; do đó, được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân hợp pháp. Nay do mâu thuẫn vợ chồng, chị N yêu cầu ly hôn, theo chị thì do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh chị đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh chị là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế anh chị đã phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án ghi nhận ý kiến anh T cũng đồng ý ly hôn và tại phiên tòa hôm nay anh T, chị N vắng mặt. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 (một) con chung tên Nguyễn Su Su, sinh ngày 29/5/2019 khi ly hôn chị N có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ghi nhận được ý kiến của anh T là đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Nhận thấy, cháu Su Su hiện đang sống cùng chị N, cháu được chị N chăm sóc nuôi dưỡng tốt, thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt của cháu, đồng thời hiện cháu Su Su dưới 36 tháng tuổi do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Su Su cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị N không có yêu cầu do đó anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N và gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị N tự nguyện rút lại yêu cầu đối với tài sản chung, việc rút lại yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về tài sản chung. Anh chị có quyền khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: anh chị thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên sau khi bản án được ban hành nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Trả lại cho chị N tạm ứng án phí đối với yêu cầu về tài sản chung. Anh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, điều 227, điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Yến Nhi.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 02/7/2018 do UBND xã Đào Hữu Cảnh cấp giữa chị N và anh T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung tên Nguyễn Su Su, sinh ngày 29/5/2019, giao con chung cho chị Nguyễn Yến N được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N và gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ

chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Yến N đối với yêu cầu khởi kiện về tài sản chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Yến N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006176 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Trả lại cho chị Yến Nhi số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mười ngàn đồng) tạm ứng án phí. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Yến N, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: *THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ*

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Hường